

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Nghị;

Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thập - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Cẩm N, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Võ Thị Cẩm N trình bày:**

Chị và bà Nguyễn Thị Mỹ L có quan hệ bà con với nhau. Chị có cho bà L mượn số tiền cụ thể như sau :

- Ngày 02/6/2018: 10.000.000đ; ngày 20/6/2018: 9.000.000đ; ngày 24/6/2018: 5.500.000đ; ngày 30/6/2018: 7.000.000đ; ngày 21/7/2018: 2.000.000đ; ngày 30/7/2018: 6.000.000đ; ngày 06/8/2018: 3.000.000đ; ngày 19/8/2018: 2.000.000đ; ngày 01/9/2018: 2.000.000đ; ngày 02/9/2018: 1.000.000đ; ngày 04/9/2018: 1.500.000đ; ngày 19/9/2018: 2.000.000đ; ngày 25/9/2018: 2.000.000đ; ngày

28/9/2018: 8.000.000đ; ngày 02/10/2018: 3.000.000đ; ngày 18/12/2018: 11.000.000đ; ngày 27/01/2019: 12.000.000đ; ngày 30/2/2019: 11.000.000đ; ngày 02/5/2019: 36.000.000đ.

Tổng cộng số tiền bà L đã mượn của chị là 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*). Tất cả các lần mượn tiền trên bà L đều có viết giấy mượn, các ngày mượn tiền là ngày âm lịch. Các lần mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất, không có hạn thời gian trả nợ, bà L hứa khi nào vay có tiền diện hộ cận nghèo có sẽ trả, nhưng sau đó chị đi lại đòi nợ nhiều lần nhưng bà L không chịu trả.

Nay yêu cầu bà L phải trả cho chị một lần đối với số tiền đã vay 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

*** Tại bản tự khai ngày 17/9/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:**

Bà thừa nhận các lần mượn tiền, thời gian mượn tiền và số tiền đã mượn như chị N trình bày. Lý do bà vay tiền của chị N: Chồng của bà bị bệnh hiểm nghèo nên bà vay tiền của nhiều người để lo chi phí điều trị nhưng không qua khỏi, chết năm 2009. Lúc này những người cho bà vay tiền yêu cầu trả nợ, không có tiền nên bà đã vay tiền của chị N để trả nợ.

Tổng cộng đã vay mượn của chị N là 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*). Trong số tiền 134.000.000đ này gồm nợ gốc 66.000.000đ, nợ lãi 68.000.000đ (lãi suất 15%/tháng). Trong số tiền nợ này, bà đã trả lãi cho N được 100.000.000đ. Sự thật như vậy nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh.

Bà xin chị N cho bà trả số tiền nợ gốc 66.000.000đ (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), không trả nợ lãi số tiền lãi 68.000.000đ (*Sáu mươi tám triệu đồng*). Bà xin được trả dần cho chị N mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ 66.000.000đ (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), xin không trả tiền lãi.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã nhận hợp lệ giấy triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập, diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét căn cứ các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm N. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho chị Võ Thị Cẩm N số tiền còn nợ là 134.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của bà L về khoản tiền còn nợ gốc 134.000.000đ và xin trả dần hàng tháng vì không có chứng cứ chứng minh và chị N không chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm N là loại việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L hiện đang cư trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời trình bày của các đương sự cũng như các chứng cứ thu thập được, chị Võ Thị Cẩm N và bà Nguyễn Thị Mỹ L đều thừa nhận: Bà Nguyễn Thị Mỹ L có vay của chị Võ Thị Cẩm N tổng cộng là 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*), cụ thể vay vào các ngày: Ngày 02/6/2018: 10.000.000đ; ngày 20/6/2018: 9.000.000đ; ngày 24/6/2018: 5.500.000đ; ngày 30/6/2018: 7.000.000đ; ngày 21/7/2018: 2.000.000đ; ngày 30/7/2018: 6.000.000đ; ngày 06/8/2018: 3.000.000đ; ngày 19/8/2018: 2.000.000đ; ngày 01/9/2018: 2.000.000đ; ngày 02/9/2018: 1.000.000đ; ngày 04/9/2018: 1.500.000đ; ngày 19/9/2018: 2.000.000đ; ngày 25/9/2018: 2.000.000đ; ngày 28/9/2018: 8.000.000đ; ngày 02/10/2018: 3.000.000đ; ngày 18/12/2018: 11.000.000đ; ngày 27/01/2019: 12.000.000đ; ngày 30/2/2019: 11.000.000đ; ngày 02/5/2019: 36.000.000đ. Đây là tình tiết mà cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Căn cứ nội dung trên các giấy vay tiền thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

[2.2] Bà L nợ chị N số tiền 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*), chị N yêu cầu nhiều lần nhưng bà L vẫn chưa trả. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bà L

có nghĩa vụ phải trả nợ cho chị N với số tiền vay là 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*).

[2.3] Xét yêu cầu của bà L: Bà nại rằng trong số tiền 134.000.000đ đã vay của chị N gồm nợ gốc 66.000.000đ, nợ lãi 68.000.000đ tiền lãi (lãi suất 15%/tháng), ngoài ra đã trả lãi cho N được 100.000.000đ, tuy nhiên bà không có chứng cứ gì về việc thỏa thuận tiền lãi 15%/tháng, cũng như đã trả số tiền lãi cho N 100.000.000đ; bà yêu cầu trả cho chị N nợ gốc 66.000.000đ (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), không trả nợ lãi với số tiền 68.000.000đ (*Sáu mươi tám triệu đồng*). Bà xin được trả dần cho chị N mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ 66.000.000đ (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), xin không trả tiền lãi. Hội đồng xét xử không chấp nhận lời nại và yêu cầu của bà L, vì không có chứng cứ để chứng minh và chị N không đồng ý.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[3.1] Bà L thuộc diện hộ cận nghèo (theo giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo số 33/GCN-HN.HCN ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã T) nên được xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.350.000 đồng (*Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0006395 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Cẩm N:

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Cẩm N số tiền là 134.000.000đ (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*) về khoản nợ đã vay vào các ngày (ngày âm lịch): 02/6/2018; 20/6/2018; 24/6/2018; 30/6/2018; 21/7/2018;

30/7/2018; 06/8/2018; 19/8/2018; 01/9/2018; 02/9/2018; 04/9/2018; 19/9/2018; 25/9/2018; 28/9/2018; 02/10/2018; 18/12/2018; 27/01/2019; 30/2/2019; 02/5/2019.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu trả nợ vay cho chị Võ Thị Cẩm N số tiền 66.000.000đ (*Sáu mươi sáu triệu đồng*) và xin được trả dần, vì không có chứng cứ để chứng minh và chị N không đồng ý.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị Cẩm N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Nhung toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.350.000 đồng (*Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0006395 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Nguyễn Thành Tân